

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Ngọc Sông.
- Ông Nguyễn Văn Phiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Kim Huệ, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:

Ông Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 6 năm 2025 và ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, nay là trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sầm Thị A; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Số nhà x, ngõ x, đường H, tổ x, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc xã N, tỉnh Tuyên Quang); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 21/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Sầm Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sầm Thị A và ông Nguyễn Hồng Q đăng ký kết hôn ngày 27/02/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất hòa, không có tiếng nói chung. Vợ chồng Bà đã 02 lần ra Tòa để giải quyết ly hôn nhưng sau đó, ông Q vẫn không thay đổi tính nết, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà A đề nghị Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Bà Sầm Thị A và ông Nguyễn Hồng Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Sầm Ngọc A, sinh ngày 25/7/2013. Khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A, yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 21/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng Q trình bày:

Ông Q xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn và con chung như bà A trình bày. Về quan hệ hôn nhân, sau khi kết hôn, ông Q và bà A chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó do điều kiện địa lý, vợ chồng không thường xuyên chung sống cùng nhau dẫn đến mỗi người có quan điểm sống, cách sống riêng, không hiểu và cảm thông cùng nhau. Ông Q và bà A đã ly thân từ cuối năm 2023, hiện nay không còn chung sống, không còn giữ liên lạc. Nay bà A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông Q nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Q và bà A ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung, cháu Nguyễn Sầm Ngọc A hiện đang sinh sống cùng ông Q tại thôn B, xã N, thành phố H (nay thuộc xã N, tỉnh Tuyên Quang), đang học tại Trường cấp 2 N, phường N. Cháu A không sống cùng mẹ do vợ chồng ông Q, bà A hiện đang ly thân. Khi ly hôn, ông Q có nguyện vọng được nuôi cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự. Tại phiên họp ngày 04/3/2025 và phiên họp ngày 19/3/2025, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp nhưng ông Q vắng mặt. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/3/2025 vắng mặt ông Q theo đúng quy định.

Ngày 03/4/2025, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến cháu Nguyễn Sầm Ngọc A, cháu A cho biết nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là bà Sầm Thị A.

Tại đơn Đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/6/2025, ông Q cho rằng ông Q chưa nhận được đơn khởi kiện từ nguyên đơn hay Tòa án; đến tháng 4/2025 ông Q mới nhận được Thông báo thụ lý vụ án; ông Q chưa biết ai khởi kiện và khởi kiện Ông về việc gì, lý do tại sao Tòa án lại triệu tập Ông đến tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đề nghị làm rõ các mốc thời gian tổng đạt văn bản của Tòa án. Ông Q vẫn giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn, đề nghị được nuôi con chung cháu Nguyễn Sầm Ngọc A, không yêu cầu bà Sầm Thị A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà Sầm Thị A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q, được nuôi con chung cháu Nguyễn Sầm Ngọc A, ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mức 2.000.000 đồng mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị A, xử cho bà Sầm Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q. Về con chung, do cháu Nguyễn Sầm Ngọc A hiện đang trong giai đoạn phát triển, có nhiều thay đổi về thể chất, tâm sinh lý ở nữ giới, rất cần sự quan tâm của người mẹ, cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ, đề nghị xử giao cho bà Sầm Thị A được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Sầm Ngọc A, ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên. Về án phí, bà A phải chịu án phí ly hôn, ông Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Sầm Thị A khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hồng Q về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc xã N, tỉnh Tuyên Quang) nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các điều 5 và 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hồng Q: Ông Nguyễn Hồng Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Hồng Q tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/6/2025, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Hồng Q không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn khi tham gia tố tụng; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông Q 02 lần vào các ngày 24/02/2025 (giao cho trưởng thôn B, trưởng thôn cam kết giao lại cho ông Q) và ngày 02/4/2025 (giao trực tiếp cho ông Q). Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q theo đúng quy định. Ông Q cho rằng ông Q chưa biết ai khởi kiện và khởi kiện ông Q về việc gì là không đúng, vì ngày 21/3/2025 ông Q đã có bản tự khai gửi Tòa án. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của ông Q ngày 26/4/2025, tại buổi lấy lời khai, Thẩm phán đã thông báo cho ông Q về yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị A, lời khai của bà A trong quá trình giải quyết vụ án và nguyện vọng của cháu Nguyễn Sầm Ngọc A muốn được ở với mẹ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sầm Thị A và ông Nguyễn Hồng Q đăng ký kết hôn ngày 27/02/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm đăng ký kết hôn) nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét thấy bà A, ông Q đã sống ly thân được hơn 01 năm, không còn tình cảm; vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng nguyên đơn bà A giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Q; ông Q vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, sau đó có bản tự khai thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông Q. Căn cứ các điều 19, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị A, xử cho bà Sầm Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q. Quan hệ hôn nhân giữa bà A, ông Q chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về việc nuôi con khi ly hôn: Bà Sầm Thị A và ông Nguyễn Hồng Q xác nhận bà A và ông Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Sầm Ngọc A, sinh ngày 25/7/2013. Quá trình giải quyết vụ án, bà A và ông Q không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Xét thấy, cháu Nguyễn Sầm Ngọc A sinh ngày 25/7/2013, là bé gái, tại thời điểm

xét xử cháu A đã gần đủ 12 tuổi, chuẩn bị bước vào tuổi dậy thì, có những thay đổi mạnh mẽ về thể chất và tâm sinh lý, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn. Bà A có chỗ ở hợp pháp, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cháu A. Trong khi đó, tại Biên bản làm việc ngày 22/5/2025, ông Lê Văn A là trưởng thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc xã N, tỉnh Tuyên Quang) cho biết: Ông Q uống rượu với tần suất liên tục nên hay về chửi mắng vợ con; ông Q cũng là cá nhân thiếu trách nhiệm trong thôn. Căn cứ các điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, xem xét quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu A, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị A, giao cháu Nguyễn Sầm Ngọc A cho bà Sầm Thị A trực tiếp nuôi. Ông Nguyễn Hồng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà Sầm Thị A yêu cầu ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Sầm Ngọc A mức 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Xét thấy Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ thì mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại vùng III (bao gồm xã N của tỉnh Tuyên Quang) là 3.860.000 đồng/tháng. Xét thấy mức cấp dưỡng mà bà Sầm Thị A yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông Q. Căn cứ các điều 82, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị A, buộc ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Sầm Ngọc A mức 2.000.000 đồng mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn bà Sầm Thị A phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn và bị đơn ông Nguyễn Hồng Q phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các điều 5 và 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 4, 6 và 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Sầm Thị A ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Sầm Thị A được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Sầm Ngọc A, sinh ngày 25/7/2013. Ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Sầm Ngọc A mức 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hồng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Nguyên đơn bà Sầm Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Sầm Thị A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000560 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập). Xác nhận bà Sầm Thị A đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

2.2. Bị đơn ông Nguyễn Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã M, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương